

An Giang, ngày 23 tháng 03 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-20cm và cao hơn TBNN từ 50-55cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-15cm và cao hơn TBNN từ 55-70cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 22/03 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN phổ biến từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên chậm trong 1-2 ngày đầu, sau xuống chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: lên chậm trong 1-2 ngày đầu, sau xuống chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên chậm theo triều tới ngày 25/03. Đỉnh triều ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 24/03/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 22/03		So với 21/03		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									23/03	24/03	25/03	26/03	27/03
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	150	4	▲	21	▲	50	▲	155	160	154	148	142
					Hmin	1	-3	▼	6	▲	3	▲	-5	-12	-20	-21	-23
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	158	5	▲	13	▲	57	▲	163	168	162	156	150
					Hmin	-13	-5	▼	-8	▼	14	▲	-19	-26	-34	-35	-37
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	123	1	▲	-2	▼	26	▲	128	133	127	121	115
					Hmin	66	8	▲	27	▲	41	▲	60	53	45	44	42
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	163	2	▲	9	▲	56	▲	168	173	167	161	155
					Hmin	-3	-3	▼	-8	▼	5	▲	-9	-16	-24	-25	-27
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	175	3	▲	13	▲	68	▲	180	185	179	173	167
					Hmin	-8	-5	▼	-4	▼	30	▲	-14	-21	-29	-30	-32
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	161	3	▲	15	▲	55	▲	166	171	165	159	153
					Hmin	-10	-4	▼	-4	▼	10	▲	-16	-23	-31	-32	-34
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	42	-1	▼	-10	▼	9	▲	44	46	48	46	44
					Hmin	19	-1	▼	-5	▼	11	▲	18	16	14	12	10
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	32	-1	▼	-10	▼	7	▲	32	34	36	33	30
					Hmin	27	-1	▼	-3	▼	6	▲	25	23	21	20	19
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	39	-1	▼	-10	▼	3	▲	39	41	43	40	37
					Hmin	33	-2	▼	-10	▼	2	▲	31	29	27	26	25
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	40	-1	▼	-10	▼	8	▲	40	42	44	41	38
					Hmin	36	-2	▼	-8	▼	9	▲	34	32	30	29	28
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	48	-1	▼	-11	▼	9	▲	48	50	52	49	46
					Hmin	44	-2	▼	-7	▼	11	▲	42	40	38	37	36
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	50	0	◀▶	-10	▼	16	▲	52	54	56	54	52
					Hmin	26	-1	▼	-3	▼	13	▲	25	23	21	19	17
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	62	-2	▼	-10	▼	28	▲	64	66	68	66	64
					Hmin	49	1	▲	0	◀▶	25	▲	48	46	44	42	40
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	49	-1	▼	-12	▼	8	▲	51	53	55	53	51
					Hmin	44	-1	▼	-7	▼	12	▲	42	40	38	36	34
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	33	-1	▼	-7	▼	14	▲	33	35	37	34	31
					Hmin	25	-1	▼	-5	▼	11	▲	23	21	19	18	17
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	79	1	▲	-6	▼	31	▲	81	83	85	83	81
					Hmin	65	0	◀▶	1	▲	31	▲	64	62	60	58	56
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	108	1	▲	-7	▼	38	▲	110	112	114	112	110
					Hmin	64	-1	▼	3	▲	28	▲	63	61	59	57	55
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	74	0	◀▶	-7	▼	17	▲	76	78	80	78	76
					Hmin	54	3	▲	0	◀▶	17	▲	53	51	49	47	45

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	58	0	↔	-11	▼	9	▲	60	62	64	62	60
					Hmin	48	0	↔	-4	▼	13	▲	47	45	43	41	39
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	42	-2	▼	-9	▼	11	▲	44	46	48	46	44
					Hmin	35	-1	▼	-7	▼	21	▲	34	32	30	28	26
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	25	-3	▼	-10	▼	-4	▼	27	29	31	27	23
					Hmin	3	0	↔	-23	▼	22	▲	-2	-6	-9	-6	-3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	63	10	▲	-8	▼	26	▲	65	67	69	64	59
					Hmin	-30	4	▲	-22	▼	2	▲	-34	-38	-40	-37	-33

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ↔ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





